TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày 12-09-2019.
V/v *" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hoàng.**
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Tiễn.**
2. Ông **Lê Truyền Bình.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na**.

Ngày 12.9.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2019/TLST-DS ngày 22/05/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-DS ngày 17/07/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-DS ngày 15/08/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH MTV –** Trụ sở: 12 Hàng V, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Tiến Đ - Chức danh Chủ tịch HĐTV.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang C - Chức vụ Phó Tổng Giám đốc.

Ông Lê Quang C ủy quyền cho Ngân hàng TMCP - Người đại diện : Ông Nguyễn Hữu Đ – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Hữu Đ ủy quyền cho ông **Nguyễn Viết H –** Chức vụ: Trưởng xử lí nợ khu vực Miền Trung – Ngân hàng TMCP (Theo văn bản ủy quyền số 512^{A} ngày 12/11/2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Quí D** - Sinh năm 1978 và bà **Nguyễn Công Quỳnh T** – Sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: 64 Thái P, phường Phước N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Hoàng Quí D** - Sinh năm 1983 (có mặt).
- Bà **Hoàng Thị Việt D** - Sinh năm1975 (vắng mặt) **.**
- Ông **Hoàng Thế N** - Sinh năm 1945 (vắng mặt).

- Bà **Bùi Thị Kim N** - Sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: K85/6 Trần Bình T, phường Hải C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, của đại diện nguyên đơn – Ông Nguyễn Viết H trình bày:

Ngân hàng TMCP – Chi nhánh Đà Nẵng đã cho ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T vay tiền theo hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số: 008/15/HĐTDTDH-CN/025, ngày 07/01/2015. Vay số tiền: 1.500.000.000đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 240 tháng (từ ngày 08/01/2015 đến ngày 08/01/2035). Phương thức trả nợ: Lãi và gốc trả vào ngày 05 hàng tháng và lãi suất thay đổi theo Khế ước nhận nợ số: 0008/15/HĐTDTDH-CN/025/KUNN-01 ngày 08/01/2015. Lãi suất vay: Được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ số: 0008/15/HĐTDTDH-CN/025/KUNN-01 ngày 08/01/2015.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại địa chỉ: K85/6 Trần Bình T, phường Hải C, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021003, hồ sơ gốc số 43523 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2001, đứng tên ông Hoàng Quí D và bà Hoàng Thị Việt D, chi tiết về tài sản thế chấp như sau:

- Đất ở: Thửa đất số: 242, tờ bản đồ số: 9; Diện tích: 71,6 m^2.

- Nhà ở: Tổng diện tích sử dụng: 160,93 m^2; Diện tích xây dựng: 64m^2.

Kết cấu nhà: Tường xây, Mái đúc, Sàn đúc; Số tầng: 03. Địa chỉ: K85/6 Trần Bình T, phường Hải C, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. (Tài sản nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 0007/15/HĐBĐ-025 ngày 07/01/2015, được công chứng ngày 07/01/2015 tại Phòng công chứng Phạm Văn K và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Tp. Đà Nẵng – Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận Hải Châu ngày 08/01/2015).

Do ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, cho nên ngày 25/10/2018 HDBank đã ban hành Thông báo thu hồi nợ quá hạn đối với toàn bộ khoản vay.

Đến ngày 28/9/2015, HDBank đã bán toàn bộ khoản nợ của ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T cho Công ty TNHH MTV theo Hợp đồng mua, bán nợ số 20502/2015/MBN.VAMC2-HDBANK. Như vậy, kể từ ngày 28/9/2015, Công ty TNHH MTV trở thành chủ nợ đối với khoản vay của ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T.

Trong quá trình vay ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T đã trả được 185.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trả được 3.400.736 đồng. Kể từ ngày 29/9/2016 đến nay bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp

nhắc nhở nhưng ông D và bà T vẫn không thanh toán.

Tính đến ngày 21/02/2019, ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T còn nợ Công Ty TNHH MTV các khoản sau: Tổng cộng 2.264.664.382; Nợ gốc: 1.314.100.000 đồng; Lãi trong hạn: 649.940.161 đồng; Lãi quá hạn: 300.624.221 đồng (lãi tính đến ngày 12/9/2019).

Nếu không trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất nói trên để đảm bảo thi hành án.

- Đối với ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T; ông Hoàng Quí D, bà Hoàng Thị Việt D, ông Hoàng Thế N, bà Bùi Thị Kim N:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (Ông D có mặt một lần); thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Hồ Thị T, Hoàng Quí D, bà Hoàng Thị Việt D, ông Hoàng Thế N, vắng mặt không có lý do; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến của mình đối với yêu cầu người khởi kiện. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình.

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng ông Hoàng Quí D và bà Bùi Thị Kim N có mặt và đề nghị Tòa án tạo điều kiện được mua lại ngôi nhà nói trên và không có ý kiến gì về số tiền vay và tài sản thế chấp. Ông bà cho rằng số tiền vay này là anh em bà đứng vay và bảo lãnh cho bà D, bà D là người có lỗi nên ông, bà đề nghị các cơ quan tạo điều kiện cho vợ chồng bà mua lại vì vợ chồng bà là người sinh sống ở tại căn nhà nói trên bà D chỉ có tên trong hộ khẩu, bà D không có sinh sống tại ngôi nhà này.

Đối với ông Hoàng Thế N là cha của ông D, bà D, ông D, bà N; ông cho rằng nhà này là tài sản của mẹ ông là bà Võ Thị T (chết), ngôi nhà trên do ông N tạo dựng, ông N không đồng ý bán căn nhà này để trả nợ; Còn đối với phòng thờ trên tầng 03 là bà D xây dựng thêm. Nhưng ngôi nhà trên đã được tặng cho các con của ông vào năm 2001. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho ông Hoàng Qúi N, bà D về việc cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về nguồn gốc hình thành ngôi nhà nhưng ông và bà D cũng như các đương sự khác cũng không có ý kiến phản hồi hay có yêu cầu phản tố hay độc lập để Tòa án xem xét để giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Ông Hoàng Quí D và Nguyễn Công Quỳnh T trả nợ vay cho Nguyên đơn, nếu không trả được nợ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng*** *:*

[1.1].*Về thẩm quyền giải quyết*: Ông **Hoàng Quí D** và bà **Nguyễn Công Quỳnh T**; địa chỉ: 64 Thái P, phường Phước N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Hải Châu (Tòa án nơi bị đơn cư trú) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*** Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng tín dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. ***Về sự vắng mặt của đương sự:*** Bị đơn là ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T; bà Hoàng Thị Việt D, ông Hoàng Thế N, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. ***Về nội dung tranh chấp:***

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số: 0008/15/HĐTDTDH-CN/025, ngày 07/01/2015; Số tiền vay 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 240 tháng (từ ngày 08/01/2015 đến ngày 08/01/2035); Phương thức trả nợ: Lãi và gốc trả vào ngày 05 và lãi điều chính theo Khế ước nhận nợ số: 0008/15/HĐTDTDH-CN/025/KUNN-01 ngày 08/01/2015; Lãi suất vay: Được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ số: 0008/15/HĐTDTDH-CN/025/KUNN-01 ngày 08/01/2015; được thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Tuy nhiên Trong quá trình vay bị đơn chỉ trả được 185.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi trả được 3.400.736 đồng. Kể từ ngày 29/9/2016 đến nay bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Nguyên đơn đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng ông D và bà T vẫn không thanh toán cho ngân hàng.

Như vậy, do Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà bị đơn đã ký với Ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công Ty TNHH MTV là có căn cứ, phù hợp với Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng và Điều 463 và 466 của Bộ Luật dân sự 2015; Nên buộc bị đơn ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T phải trả cho Công Ty TNHH MTV số tiền tổng cộng là: 2.264.664.382; Nợ gốc: 1.314.100.000 đồng; Lãi trong hạn: 649.940.161 đồng; Lãi quá hạn: 300.624.221 đồng (lãi tính đến ngày 12/9/2019).

Lãi tiếp tục tính từ ngày 13/9/2019 trên số nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 0008/15/HĐTDTDH-CN/025, ngày 07/01/2015; Khế ước nhận nợ số: 0008/15/HĐTDTDH-CN/025/KUNN-01 ngày 08/01/2015;

Nếu Trong trường hợp ông D bà T không trả số tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ

thì tài sản thế chấp là nhà và đất Thửa đất số: 242, tờ bản đồ số: 9; Diện tích: 71,6 m^2; Nhà ở 03 tầng**:** Tổng diện tích sử dụng: 160,93 m^2; Diện tích xây dựng: 64m^2; Địa chỉ: K85/6 Trần Bình T, phường Hải C, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021003, hồ sơ gốc số 43523 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2001, đứng tên ông Hoàng Quí D, ông Hoàng Quí D và bà Hoàng Thị Việt D được xử lý phát mãi tài sản thế chấp căn cứ Điều 10 Hợp đồng thế chấp số 0007/15/HĐBĐ-025 ngày 07/01/2015 và theo Điều 299 và 320 của Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp ông D, bà T thanh toán xong khoản vay nói trên cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021003, hồ sơ gốc số 43523 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2001, đứng tên ông Hoàng Quí D, ông Hoàng Quí D và bà Hoàng Thị Việt D.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án : Đối với ông Hoàng Thế N là cha của ông D; ông cho rằng nhà này là của mẹ ông là bà Võ Thị T đã tặng cho các con ông là bà D, D, D vào năm 2001 và tài sản trên do ông tạo dựng, ông không đồng ý bán căn nhà này để trả nợ; Còn đối với phòng thờ trên tầng 03 là bà D xây dựng thêm. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho ông Hoàng Qúi N, bà D cũng như các đương sự khác về việc cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình cho Tòa án xem xét và có yêu cầu phản tố, độc lập hay không thì các đương sự cũng không có ý kiến phản hồi. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Nếu sau này các bên có tranh chấp thì cung cấp tài liệu chứng cứ để khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí; Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn nên Bị đơn là ông D và bà T phải chịu án phí sơ thẩm là: 77.293.288 đồng (*Bảy mươi bảy triệu hai trăm chín mươi ba ngàn hai trăm tám mươi tám đồng*).

[4]. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng Nguyên đơn là người có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ nên Nguyên đơn tự nguyện chịu và đã chi phí xong.

[5]. Về pháp luật nội dung được áp dụng để giải quyết: Giao dịch dân sự giữa các bên được xác lập tại thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật; xét giao dịch dân sự giữa các bên chưa được thực hiện xong; Nội dung và hình thức phù hợp với quy định Bộ luật dân sự 2015 có hiệu luật từ ngày 01/01/2017 nên áp dụng Bộ luật này để giải quyết.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Căn cứ vào các Điều 299, 320, 463, 466 và 688 Bộ Luật Dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công Ty TNHH MTV đối với Bị đơn ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T .

Xử: Buộc Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T phải thanh toán cho Công Ty TNHH MTV số tiền vay tổng cộng là: 2.264.664.382; Trong đó Nợ gốc: 1.314.100.000 đồng; Lãi trong hạn : 649.940.161 đồng; Lãi quá hạn : 300.624.221 đồng (lãi tính đến ngày 12/9/2019).

Lãi tiếp tục tính từ ngày 13/9/2019 trên số nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số : 0008/15/HĐTDTDH-CN/025, ngày 07/01/2015 và Khế ước nhận nợ số: 0008/15/HĐTDTDH-CN/025/KUNN-01 ngày 08/01/2015; Trường hợp, trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu Trong trường hợp ông ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T không trả số tiền nêu trên hoặc trả không đầy đủ thì tài sản thế chấp là nhà và đất tại Thửa đất số: 242, tờ bản đồ số: 9; Diện tích: 71,6 m^2; Nhà ở 03 tầng**:** Tổng diện tích sử dụng: 160,93 m^2; Diện tích xây dựng: 64m^2; Địa chỉ: K85/6 Trần Bình T, phường Hải C, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021003, hồ sơ gốc số 43523 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2001, đứng tên ông Hoàng Quí D, ông Hoàng Quí D và bà Hoàng Thị Việt D được xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án.

Trường hợp ông D bà T thanh toán xong khoản vay nói trên cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn là Công Ty TNHH MTV trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401021003, hồ sơ gốc số 43523 do UBND Tp. Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2001, đứng tên ông Hoàng Quí D và bà Hoàng Thị Việt D.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 77.293.288 đồng (Bảy mươi bảy triệu hai trăm chín mươi ba ngàn hai trăm tám mươi tám đồng) ông **Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T** phải chịu.

Hoàn trả cho **Công Ty TNHH MTV** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.601.000 đồng (Ba mươi sáu triệu sáu trăm lẻ một ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006800 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Đại diện Nguyên đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quí D, bà Bùi Thị Kim N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Ông Hoàng Quí D và bà Nguyễn Công Quỳnh T và bà Hoàng Thị Việt D, ông Hoàng Thế N là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Truyền Bình/ Huỳnh Tiễn	**NGUYỄN ĐỨC HOÀNG**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN ĐỨC HOÀNG